

Bản án số: 05/2025/DS - ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2025
V/v: “Kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn B và bà Hà Thị H

-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh L – Thư ký TAND khu vực 10 – Thanh Hoá;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn M - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2025/TLST – DS ngày 20/5/2025 về việc “*Kiện đòi tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐST – DS, ngày 27/8/2025. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cẩm Thị H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn 3, xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa(Nay là: Thôn Thanh Trung 3, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.(có mặt)

Số CCCD: 038178009225 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/11/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Th – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Sơn Trà, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hoá.(có mặt)
Địa chỉ: LK4, khu nhà ở sinh thái Xanh FLC, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Dương Thị Ng, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa(Nay là: Thôn Thanh Trung 2, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa).(có mặt)

Số CCCD: 038177004167 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/9/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Cẩm Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ trong gia đình, nên ngày 02/11/2014 chị H cho chị Dương Thị Ng vay số tiền 110.000.000đ, tiếp đó ngày 12/11/2014 chị H cho chị Ng vay tiếp số tiền 60.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 22/11/2014 chị Ng có trách nhiệm

trả toàn bộ số tiền trên cho chị H, giấy vay không thể hiện lãi suất và ngày 15/02/2018 chị H tiếp tục cho chị Ng vay số tiền 110.000.000đ, thời hạn vay đến hết tháng 3 âm lịch năm 2015, không thể hiện lãi suất. Hai bên viết giấy vay và bản cam kết. Tổng số tiền vay là 280.000.000đ.

Sau nhiều lần đòi nợ nhưng chị Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như đã cam kết, qua nhiều lần nhắc nợ, chị Ng vẫn không có thiện chí trả tiền cho chị H số tiền 280.000.000đ(Hai trăm tám mươi triệu đồng). Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của chị Ng đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H.

Vì vậy chị H khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đề nghị chị Dương Thị Ng có trách nhiệm trả nợ cho chị số tiền là 280.000.000đ(Hai trăm tám mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

Ngày 22/7/2025 chị H có đơn gửi Tòa án rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình, cụ thể: quá trình thực hiện hợp đồng của 03 khoản vay trên, chị Ng đã thanh toán cho chị H được 31.000.000 tiền và khoản vay thể hiện trong bản cam kết ngày 15/02/2018 do khoản vay này có số tiền 110.000.000đ trùng với số tiền của khoản vay ngày 02/11/2014 nên chị H xin rút yêu cầu đối với số tiền của khoản vay này, khi nào có đủ chứng cứ chị sẽ khởi kiện chị Ng bằng một vụ án khác. Chị H đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa buộc chị Ng phải thanh toán cho chị số tiền nợ gốc 139.000.000đ của 02 khoản vay và không yêu cầu lãi suất.

Tại các bản tự khai, bản ý kiến, biên bản hòa giải bị đơn Dương Thị Ng trình bày: Chị Cẩm Thị H chuyên cho người dân vay lãi nặng, lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày. Do cần tiền để giải quyết công việc, chị có vay của chị H số tiền gốc là 110.000.000đ, chót lần 1 ngày 15/02/2018, chót lần 2 ngày 24/10/2023. Thực hiện hợp đồng vay, năm 2014 chị Ng đã trả cho chị H 20.000.000đ tiền gốc, năm 2017 trả cho chị H 20.000.000đ tiền gốc, năm 2020 trả cho chị H 20.000.000đ tiền gốc. Tổng số tiền gốc đã thanh toán cho chị H là 60.000.000đ, số tiền gốc còn nợ chị H đến thời điểm hiện tại là 50.000.000đ.

Tại biên bản hòa giải lần 1, ngày 23 tháng 6 năm 2025, chị Dương Thị Ng trình bày: chị không đồng ý với chị H về số tiền vay như chị H trình bày, do chị cần tiền để giải quyết công việc nên chị có vay của chị Cẩm Thị H 02 lần và ngày 15/02/2018 chót lại với số tiền là 110.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng vay chị đã trả tiền gốc cho chị H 03 lần là 60.000.000đ, chị khẳng định chị chỉ còn nợ lại chị H số tiền gốc là 50.000.000đ

Tại biên bản hòa giải lần 2, ngày 14/8/2025, chị Ng trình bày, tổng số tiền gốc chị vay chị H 02 lần là 110.000.000đ, chị đã thanh toán tiền nợ gốc cho chị H 03 lần là 60.000.000đ và chị H thừa nhận trong tổng số các lần chị trả cho chị H số tiền 31.000.000đ, có 20.000.000đ chị đã trả cho chị H ở lần trả thứ hai và 11.000.000đ chị đã trả cho chị H, chị khẳng định đã trả cho chị H được số tiền 71.000.000đ tiền gốc, số tiền gốc còn nợ lại chị H là 39.000.000đ, chị có trách nhiệm trả cho chị H trong vòng 03 tháng.

Ngày 24/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 05/2025/QĐ – CCTLCC, yêu cầu bị

đơn Dương Thị Ng cung cấp cho Tòa án các giấy tờ thể hiện chị H cho chị vay tiền lãi suất 5.000đ/triệu/ngày của các khoản vay mà chị trình bày; các giấy tờ liên quan đến việc trả tiền lãi của các khoản vay cho chị H và các giấy tờ liên quan đến việc trả số tiền nợ gốc của các khoản vay trên cho chị H nhưng chị Ng không cung cấp được bất kỳ tài liệu nào chứng minh việc bị đơn đã trả lãi và nợ gốc cho nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất với nguyên đơn về số tiền nợ mà bị đơn nợ nguyên đơn là 170.000.000đ của 02 khoản vay ngày 02, 12 tháng 11 năm 2014(Giấy vay tiền có chữ ký của người vay, không thể hiện lãi suất), quá trình thực hiện hợp đồng vay nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền nợ là 31.000.000đ, còn lại số tiền 139.000.000đ bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn; về lãi suất bị đơn bị đơn cho rằng vay tiền có lãi và đã trả lãi cho nguyên đơn hàng tháng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn không xuất trình được bất kỳ tài liệu nào chứng minh việc bị đơn đã trả lãi và nợ gốc cho nguyên đơn, bị đơn cho rằng chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 39.000.000đ là không có căn cứ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ chưa thanh toán là 139.000.000đ; về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và đúng thời hạn; xác định đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại phiên tòa đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa diễn ra đúng các thủ tục quy định.

- Đối với việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa được quy định tại điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: các Điều 255 và 256 BLDS 2005; các Điều 357 và 470 BLDS 2015; Khoản 2 Điều 21; Khoản 2 Điều 26; 147, 235, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Dương Thị Ng phải trả cho nguyên đơn Cẩm Thị H số tiền nợ 139.000.000đ; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn

Dương Thị Ng trả số tiền nợ là 141.000.000đ; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Cẩm Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn Dương Thị Ng trả số tiền vay 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Giao dịch dân sự giữa chị Cẩm Thị H và chị Dương Thị Ng là quan hệ vay nợ, trong giấy vay nợ có thể hiện ngày trả nợ là ngày 22/11/2014. Do đó tính đến ngày làm đơn khởi kiện đã hết thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015, vì vậy xác định việc chị Dương Thị Ng chưa trả số tiền vay cho chị Cẩm Thị H là việc chị Ng đang chiếm giữ tài sản của chị H. Đây là tranh chấp về kiện đòi tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Dương Thị Ng có nơi cư trú tại thôn Thanh Trung 2, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Cẩm Thị H trình bày: ngày 02/11/2014 chị H cho chị Dương Thị Ng vay số tiền 110.000.000đ, tiếp đó ngày 12/11/2014 chị H cho chị Ng vay tiếp số tiền 60.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 22/11/2014 chị Ng có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho chị H, giấy vay không thể hiện lãi suất và ngày 15/02/2018 chị H tiếp tục cho chị Ng vay số tiền 110.000.000đ, thời hạn vay đến hết tháng 3 âm lịch năm 2015, không thể hiện lãi suất. Hai bên viết giấy vay và bản cam kết. Tổng số tiền vay là 280.000.000đ.

Ngày 22/7/2025 chị H có đơn gửi Tòa án rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình số tiền 141.000.000đ. Chị H đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa buộc chị Ng phải thanh toán cho chị số tiền 139.000.000đ của 02 khoản vay và không yêu cầu lãi suất.

Như vậy việc khởi kiện đòi lại tài sản của chị H là phù hợp với Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005 đó là “ *Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình trả lại tài sản đó...* ”

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Dương Thị Ng không thừa nhận số tiền nợ gốc 280.000.000đ như chị Hương trình bày mà chị Ng cho

rằng số tiền nợ gốc chị vay chị H là 110.000.000đ vào năm 2014, quá trình thực hiện hợp đồng vay, do khó khăn về kinh tế, chị Ng không trả đượ tiền lãi, nên chị H cộng cả tiền gốc vay và tiền lãi là 280.000.000đ; ngày 24/10/2023 chị đã nhắn tin qua Zalo kết nợ với chị H là 110.000.000đ của khoản vay(chị đã in và gửi tài liệu này cho Toà án). Chị Ng cho rằng chị vay tiền của chị H với lãi suất cao, số tiền nợ gốc là do chị H cộng dồn lãi suất. Toà án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, nhưng chị Ng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh chị H cho chị Ng vay tiền với lãi suất cao và giấy tờ chứng minh chị Ng đã trả tiền nợ gốc, tiền lãi cho chị H đối với khoản vay trên. Khai nại này của chị Ng không được chị Hương chấp nhận.

Về tiền nợ: Mặc dù nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được với nhau về số tiền nợ, nhưng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Toà án thể hiện: ngày 02/11/2014 chị cho chị Dương Thị Nga vay số tiền 110.000.000đ, tiếp đó ngày 12/11/2014 chị H cho chị Ng vay tiếp số tiền 60.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 22/11/2014. Tổng số tiền vay của 02 khoản trên là 170.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng vay chị H thừa nhận chị Ng đã thanh toán cho chị được số tiền 31.000.000đ. Số tiền mà chị Ng còn nợ chị H là 139.000.000đ(Một trăm ba chín triệu đồng). Đối với tin nhắn qua Zalo ngày 24/10/2023 mà chị Ng sao chụp gửi cho Toà án, quá trình làm việc với chị H, chị H khẳng định đây không phải số tiền chốt của các khoản vay mà chị Ng vay chị H, mà đây là khoản chốt thể hiện như giấy cam kết ngày 15/02/2018(khoản vay mới) do khoản vay này có số tiền 110.000.000đ trùng với số tiền của khoản vay ngày 02/11/2014 nên chị đã xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền của khoản vay này, khi nào có đủ chứng cứ chị sẽ khởi kiện chị Ng bằng một vụ án khác.

Trong 02 giấy vay tiền đề ngày 02 và ngày 12 tháng 11 năm 2014 có thể hiện người thừa kế anh Lê Đình X (chồng chị Ng) ký vào cả 02 giấy vay tiền này, tuy nhiên quá trình làm việc cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc chị Ng vay tiền của chị H anh X không biết, không tham gia và không ký vào 02 giấy vay trên, chữ ký của anh X là do chị Ng ký, do đó anh X không liên quan đến 02 khoản vay này.

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra quan điểm bảo vệ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ 139.000.000đ; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Dương Thị Ng trả số tiền nợ là 141.000.000đ và xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên, xét lời khai nại của bị đơn Dương Thị Ng về số tiền nợ gốc, tiền lãi suất, số tiền lãi đã trả là không có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cẩm Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Chăm Thị H được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Dương Thị Ng chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm b tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Chăm Thị H số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003755 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 244, 266, 271 và 273 BLTTDS 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

Căn cứ vào các Điều 255 và 256 BLDS 2005; các Điều 357 và 470 BLDS 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm b tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chăm Thị H.

2. Buộc bị đơn Dương Thị Ng trả cho nguyên đơn Chăm Thị H số tiền là: **139.000.000đ** (Một trăm ba chín triệu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất giới hạn quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chăm Thị H về việc yêu cầu bị đơn Dương Thị Ng phải trả số tiền nợ gốc là 141.000.000đ (Một trăm bốn một triệu đồng).

3. Án phí: Bị đơn Dương Thị Ng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: **6.950.000đ** (Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn Chăm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Chăm Thị H số tiền tạm ứng án phí 6.750.000đ (Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003755 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thanh Hoá).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 10 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Sỹ Hỷ